

Bản án số: 51/2018/HS-PT

Ngày 26/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Ông Trần Đình Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:**

Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2018/TLPT-HS ngày 27/8/2018 đối với bị cáo Trần Ngọc T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Trần Ngọc T**, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn HT, xã ĐK, huyện KC, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá L và con bà Đinh Thị S; Gia đình có 02 anh em, T là con thứ 2; Vợ: Đỗ Thị N (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007. Tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, theo lệnh trích suất có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa:** Luật sư Nguyễn Hùng P văn phòng Luật sư PS, tỉnh Hưng Yên.

*** Người bị hại:** Ông Đỗ Đình V, sinh năm 1966; trú tại: thôn HT, xã ĐK, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án**

1. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983; trú tại: thôn CL2, thị trấn VG, huyện VG, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Đinh Thị S, sinh năm 1943; trú tại: thôn HT, xã ĐK, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa vắng mặt ông V và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/02/2016 Trần Ngọc T đến nhà ông Đỗ Đình V ở thôn HT, xã ĐK, huyện KC, tỉnh Hưng Yên là hàng xóm để mượn xe ô tô của ông V đi dự đám cưới ở huyện VG. Ông V đồng ý và giao chìa khóa và giấy tờ xe cùng chiếc xe ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Ford mang biển số 89B-003.75 cho T mượn. Khi mượn xe T hẹn đến ngày 19/02/2016 sẽ mang xe trả cho ông V. Tuy nhiên sau khi đi đám cưới về, vì không có tiền trả nợ nên T đã nảy sinh ý định mang xe của ông V đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. Ngày 20/02/2016 T điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Quốc H; trú tại thôn, thôn CL2, thị trấn VG, huyện VG, tỉnh Hưng Yên để cầm cố chiếc xe và vay anh H số tiền 100.000.000 đồng, A cầm tiền rồi để lại xe cùng giấy tờ và đi về. Đến ngày 22/02/2016 T thuê một người đàn ông chở xe ôm quay lại nhà anh H và thỏa thuận với anh H vay thêm số tiền 160.000.000 đồng. Tổng số cả hai lần là 260.000.000 đồng (anh H viết giấy biên nhận). Tổng số tiền trên T đã mang trả nợ cho một người đàn ông T không biết tên, địa chỉ. Sau đó T gọi điện và hẹn ông V ra ngã tư xã DT, huyện KC rồi nói với ông V về việc T đã cầm cố chiếc xe để vay số tiền 260.000.000 đồng, T hứa với ông V sẽ chuộc xe về trả. Tuy nhiên những ngày sau đó, ông V đã đòi T nhiều lần nhưng T vẫn không trả xe và cố tình trốn tránh. Đến ngày 25/02/2016 ông V có đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện KC yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Biết tin ông B trình báo công an nên T đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện KC đã tiến hành xác minh đồng thời quản lý 01 chiếc xe ô tô biển số 89B-003.75; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006539 tên chủ xe Đỗ Đình V, biển số đăng ký 89B-003.75; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 4956189; 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ; 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Ngọc T do anh Nguyễn Quốc H giao nộp.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện KC đã ra Quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện KC định giá đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford biển số 89B-003.75. Tại bản kết luận định giá số 12 ngày

29/02/2016 kết luận: Chiếc xe ô tô Ford biển số 89B-003.75 có trị giá 280.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện KC đã quyết định truy nã đối với Trần Ngọc T để điều tra xử lý, tuy nhiên hết thời hạn điều tra chưa bắt được T nên cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án. Đến ngày 30/12/2017, Trần Ngọc T đã đến cơ quan Công an huyện KC đầu thú và khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình. Đồng thời T có đơn đề nghị định giá lại tài sản đối với chiếc xe ô tô trên vì cho rằng giá trị của chiếc xe là cao so với thực tế. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh và xác định không có căn cứ để định giá lại đối với tài sản trên nên không chấp nhận yêu cầu của T.

Ngày 16/3/2018, bà Đinh Thị S là mẹ đẻ của T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp tài liệu thể hiện: Năm 2013 T bị tai nạn giao thông, sau khi bị tai nạn giao thông T có biểu hiện tâm thần kinh không ổn định. Do đó ngày 28/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện KC ra Quyết định Trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương để giám định về tâm thần đối với T. Tại bản kết luận giám định số 161/KLGD ngày 15/5/2018 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, Trần Ngọc T bị bệnh rối loạn cảm xúc không ổn định thực tổn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F06.6. Tại thời điểm trên, bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 29/02/2016 Cơ quan điều tra Công an huyện KC đã trả lại cho ông V chiếc xe ô tô Ford biển số 89B-003.75 và giấy tờ liên quan. Ông V có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không yêu cầu về dân sự nữa.

Đối với anh Nguyễn Quốc H quá trình điều tra xác định: anh H đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể với ngành nghề kinh doanh: “Dịch vụ cầm đồ”. Khi T cầm cố chiếc xe ô tô biển số 89B-003.75 thì anh H không biết chiếc xe do T phạm tội mà có, vì vậy không có căn cứ xử lý đối với anh H. Bà Đinh Thị S đã trả cho anh H số tiền 260.000.000 đồng, anh H đã nhận số tiền trên và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện KC đã quyết định:

Tuyên bố: Trần Ngọc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 3 điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trần Ngọc T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù giam, tính từ ngày bị tạm giữ 30/12/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 02/8/2018 bị cáo Trần Ngọc T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/9/2018 bị cáo Trần Ngọc T có đơn đề nghị Định giá lại tài sản là chiếc ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Ford biển số 89B-003.75 mà bị cáo chiếm đoạt của ông V trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Trần Ngọc T thành khẩn nhận tội, ngoài ra bị cáo khai bản thân bệnh tật, vẫn phải uống thuốc điều trị, gia đình khó khăn, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở lại cộng đồng và xã hội. Về việc đề nghị định giá lại tài sản là chiếc ô tô loại 16 chỗ, nhãn hiệu Ford biển số 89B-003.75 nay bị cáo tự nguyện rút yêu cầu này. Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Ngọc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 do bị cáo bị bệnh về tâm thần, áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự giảm cho bị cáo từ 03 – 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/02/2016 Trần Ngọc T mượn xe ô tô nhãn hiệu Ford mang biển số 89B-003.75 của ông V nhằm mục đích đi dự đám cưới ở huyện VG. Tuy nhiên sau khi đi đám cưới về, vì không có tiền trả nợ nên T đã nảy sinh ý định mang xe của ông V đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân; T điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Quốc H để cầm cố chiếc xe và vay anh H hai lần với tổng số tiền 260.000.000 đồng, T cầm tiền rồi để lại xe cùng giấy tờ. Tổng số tiền

trên T đã mang trả nợ cho một người đàn ông T không biết tên, địa chỉ. Do không trả được xe ô tô và biết tin ông V trình báo công an nên T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Bởi hành vi trên, Trần Ngọc T bị Tòa án nhân huyện KC, tỉnh Hưng Yên xét xử về tội **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”** theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo* Trần Ngọc T: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Căn cứ nhân thân bị cáo, cần phải xét xử nghiêm minh, dành cho bị cáo một hình phạt thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây nên, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục để bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2016 bị cáo có điều trị tại Bệnh viện tâm thần trung ương sau khi bị tai nạn giao thông; Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 161/ KLGD ngày 5/5/2018 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Trần Ngọc T bị bệnh Rối loạn cảm xúc không ổn định thực tổn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.6. Như vậy với thực tế đó, thì ít nhiều cũng ảnh hưởng đến nhận thức của bị cáo; cũng tại phiên tòa hôm nay gia đình bị cáo cung cấp Biên lai thu tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KC, thể hiện sự tự nguyện thi hành án; Do vậy, nay sẽ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về quan điểm của Người bào chữa, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trần Ngọc T chiếm đoạt tài sản trị giá 280 triệu đồng, trong khi khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự qui định mức hình phạt từ 5 năm đến 12 năm nếu chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200 triệu đến 500 triệu đồng; vì vậy không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo đề nghị của Người bào chữa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Trần Ngọc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện KC, tỉnh Hưng Yên như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2017.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận việc bà Đinh Thị S nộp thay bị cáo số tiền 200 ngàn đồng, theo Biên lai thu tiền số 006213, ngày 21/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KC.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Vụ GDKT1- TANDTC.
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện KC;
- TAND huyện KC;
- Công an huyện KC;
- Bị cáo T;
- Trại giam Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tuấn